TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC H - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2025
V/v tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC H - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tâm

2. Ông Đặng Bình Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực H - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực H - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 185/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 189/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lưu Hoàng T**, sinh năm 1977. *(xin vắng mặt)*
Địa chỉ: Ấp TL, xã LB, tỉnh Đồng Tháp.
2. Bị đơn: Chị **Đoàn Thị Hoàng T1**, sinh năm 1984. *(vắng mặt không lý do)*
Địa chỉ: Ấp CM, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 16/6/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lưu Hoàng T trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh và chị T1 đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND xã BT, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang (hiện nay là xã LB, tỉnh Đồng Tháp), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Sau khi nuôi tôm bị thua lỗ, anh chị chuyển về ấp CM, xã T2, huyện G, tỉnh Tiền Giang sinh sống và làm ăn. Sau đó, chị T1 đi làm ăn xa và ít khi về thăm gia đình, thậm chí khi ba mẹ anh chết thì chị T1 vẫn không về chịu tang. Trước khi nộp đơn xin ly hôn, anh có gọi điện thoại cho chị T1 nhưng chị nói bận công việc, không về được. Anh yêu cầu được

ly hôn với chị T1.

- Về con chung: Vợ chồng anh chung sống có 02 người con chung tên Lưu Quốc Đ, sinh năm 2006 và Lưu Quốc S, sinh ngày 30/5/2009 hiện sống cùng anh. Ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu S; anh không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với Lưu Quốc Đ hiện đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

**** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đoàn Thị Hoàng T1 không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn dù chị đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.***

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H - Đồng Tháp phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lưu Hoàng T. Cho anh Lưu Hoàng T được ly hôn với chị Đoàn Thị Hoàng T1.

+ Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lưu Quốc S, sinh ngày 30/5/2009 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng; ghi nhận anh T không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con. Chị T1 được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở. Đối với con chung tên Lưu Quốc Đ, sinh năm 2006 hiện đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực H - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn anh T xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn chị T1 vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của anh T, nhận thấy:

- Vợ chồng anh kết hôn vào năm 2006, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay thuộc xã LB, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 162 ngày 22/12/2006 nên là hôn nhân hợp pháp.

- Theo lời trình bày của anh T: Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống và khoảng thời gian sau này thì chị T1 đi làm xa, không về nhà. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập chị T1 nhưng chị không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của anh T. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như chị T1 mặc nhiên thừa nhận những mâu thuẫn vợ chồng như anh T đã nêu và điều này cho thấy chị cũng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng mà bỏ mặc, không quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh được ly hôn với chị T1 là cần thiết và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung:

- Anh chị chung sống có 02 người con chung tên Lưu Quốc Đ, sinh năm 2006 và Lưu Quốc S, sinh ngày 30/5/2009. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu S của anh T là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, cháu có nguyện vọng muốn tiếp tục sống cùng anh và chị T1 cũng không có ý kiến phản đối nên việc giao cháu S cho anh tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T1 được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở. Đối với Lưu Quốc Đ, sinh năm 2006 hiện đã trưởng thành và anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận anh T không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh T yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H - Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: *- Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lưu Hoàng T. Cho anh Lưu Hoàng T được ly hôn với chị Đoàn Thị Hoàng T1.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lưu Quốc S, sinh ngày 30/5/2009. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Chị T1 được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

- Đối với con chung tên Lưu Quốc Đ, sinh năm 2006 hiện đã trưởng thành.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014287 ngày 25/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp) nên xem như anh đã nộp xong án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND khu vực H - ĐT;
- THADS tỉnh ĐT;
- UBND xã LB, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.